



Tuần 17

ung - uc - ưng - ưc
ông - ôc - ơng - ơc

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

ưng

ưng	ửng	ừng	ững	ững	ợng
bưng	bửng	bừng	dửng	chửng	dợng
cưng	cửng	dừng	lửng	hửng	đợng
đưng	đửng	đừng	rửng	lững	lợng
hưng	hửng	gừng	tửng	những	nợng
lưng	trửng	mừng		sửng	vợng
nhưng		rừng		thửng	

uc	úc	cúc	đúc	húc	khúc	lúc	múc
	ục	bục	cục	dục	đục	gục	hục

ưc	ức	bức	chức	đức	hức		
	ưc	bưc	cưc	đưc	hưc	lưc	mưc

uông

uông	uống	uồng	uổng	uổng	uộng
buông	cuống	buồng	thuổng	muổng	chuiộng
chuiông	huống	chuiồng			ruộng
muông	đuống	luồng			
nuông	muống	ruồng			
	xuống	tuồng			

uộc

uộc	cuộc	đuộc	guộc		
uộc	buộc	cuộc	chuiộc	luộc	thuộc

ước

ước	buộc	cuộc	chuiộc	khuiộc	nuộc
ước	cuộc	đuộc	luộc	tuộc	xuộc

ung					
ung	úng	ùng	ủng	ững	ụng
cung	búng	cùng	đùng	cững	cụng
dung	cúng	dùng	khủng	đững	dụng
đùng	đúng	đùng	lúng	đững	đụng
khung	nhúng	húng	rúng	lững	rụng
lung	phúng	mùng	súng	sững	tụng
nung	súng	phùng		trững	

uong					
uong	uông	uồng	uổng	uỡng	uọng
cuong	buông	cường	chường	cuỡng	duọng
duong	chường	chường	hường	duỡng	guọng
đuong	hường	duỡng	tường	lưỡng	lượ
quong	sường	đường	thường	nguỡng	nhuợ
huong	tường	hường	trường		sượ
lương		lưỡng	xuống		tượ

B. BÀI TẬP

I. Phần trắc nghiệm. (Chọn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.)

Câu 1. Tiếng có vần **ung** là:



- A. khung B. trứng C. rừng D. cúc

Câu 2. Tiếng có vần **uộc** là:



- A. mực B. gừng C. ruộng D. đuốc

Câu 3. Đây là gì?



- A. chuông B. đuốc C. trứng D. lưng

Câu 4. Câu sau có mấy từ có chứa tiếng có vần “**ung**”?

Bé bụng rỗng đựng trứng.

- A. 1 từ B. 2 từ C. 3 từ D. 4 từ

Câu 5. Tiếng có vần **uông** là:



- A. lưng B. xuông C. thuốc D. đuốc

Câu 6. Đây là gì?



- A. tương B. gương C. đường D. hương dương

II. Phân tự luận.

Bài 1. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào

Bé ốm à

Bé có uống thuốc không



Bài 2. Đọc.



Bài 3.

Chọn vào ☐ bên hình chứa tiếng có thanh huyền.

Rừng



Xuống



Súng



Lược



Chuông



Đường



Bài 4. Em hãy chọn vào từ có vần “ương” trong câu sau:

Bé để lược và gương ở trên giường.

Bài 5. Viết:

Muông thú họp trong rừng.

M